

Bản án số:18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 – 2022

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2 Ông Nguyễn Văn Tho

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q:

Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trụ sở: Số 99, phố L , P H , Quận H , thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng N - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa ủy quyền cho ông Trần Bá T- Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội – huyện C , tỉnh Hậu Giang.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi hai bên tự tìm hiểu nhau, bà và ông P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo

quy định. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, ông P không Q tâm chăm sóc gia đình, hay nhậu nhẹt, về hay đánh đập bà từ đó cả hai không tìm được tiếng nói chung khiến cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân nhau nhiều năm nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh V (nam) sinh ngày 19/10/2003, cháu V đã lớn nên không yêu cầu giải quyết, cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007 hiện cháu đang sinh sống với bà H và bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q đến khi thành niên và yêu cầu ông P cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông bà tạo lập được các tài sản chung như sau:

1/ Căn nhà chiều ngang 5m, chiều dài 25m; diện tích khoảng 125m² được xây dựng trên phần đất diện tích 250m² tại thửa 3246 lạc tại Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H, phần đất này do ông Nguyễn Minh P đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB3230097 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010.

2/ Căn nhà trên phần đất có chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 16m, diện tích khoảng 80m, có ký hiệu nền là E39 nằm trong khu dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu thuộc ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (theo biên bản bàn giao nền nhà trong cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giao đoạn 2) ngày 25/01/2013 do ông Nguyễn Minh P đứng tên. Bà H yêu cầu giải quyết cho bà được nhận phần tài sản là căn nhà chiều ngang 5m, chiều dài 25m diện tích khoảng 125m² được xây dựng trên phần đất diện tích 250m² tại thửa 3246 lạc tại Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB3230097 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010, đối với phần đất còn lại thì thống nhất chia cho ông P quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Ông bà có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang số tiền 20.000.000đồng; bà H, ông P thống nhất chia đôi mỗi người trả số tiền vốn gốc là 10.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

Bị đơn Ông Nguyễn Minh P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, sau khi quen biết thì ông bà tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hiện nay do vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn và ông bà cũng đã ly thân không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh V (nam) sinh ngày 19/10/2003, Cháu V đã lớn nên không yêu cầu giải quyết, cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007 hiện cháu Q đang sinh sống với bà H, cháu Q thì ông đồng ý theo nguyện vọng của cháu, đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên, ông P đồng ý cấp dưỡng cho cháu Q là 1.000.000đồng/tháng đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông bà tạo lập được tài sản chung bao gồm:

1/ Căn nhà chiều ngang 5m chiều dài 25m diện tích khoảng 125m² được xây dựng trên phần đất diện tích 250m² thửa 3246 phần đất tọa lạc tại Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H do ông P đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB3230097 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010.

2/ Căn nhà trên phần đất có chiều ngang 5m chiều dài khoảng 16m diện tích khoảng 80m, có ký hiệu nền E39 nằm trong khu dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, thị trấn Ngã Sáu huyện Châu Thành (theo biên bản bàn giao nền nhà trong cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giao đoạn 2) ngày 25/01/2013 tên Nguyễn Minh P.

Về phần tài sản chung thống nhất để cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng định đoạt phần đất có căn nhà chiều ngang 5m chiều dài 25m diện tích khoảng 125m² được xây dựng trên phần đất diện tích 250m² thửa 3246 lạc tại Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H do tôi đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB3230097 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010, ông P yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng định đoạt phần căn nhà trên phần đất có chiều ngang 5m chiều dài khoảng 16m diện tích khoảng 80m, có ký hiệu E39 nằm trong khu dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, thị trấn Ngã Sáu huyện Châu Thành. (theo biên bản bàn giao nền nhà trong cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giao đoạn 2) ngày 25/01/2013 tên Nguyễn Minh P.

Về nợ chung: Ông bà có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành số tiền 20.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh P thống nhất chia đôi số tiền nợ với bà H để trả cho ngân hàng, theo đó ông Nguyễn Minh P thống nhất mỗi người phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả.

Về con chung: Đồng ý để Cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, ông cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi tròn 18 tuổi.

Kiểm sát viên phát biểu Q điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự.

Về Q hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là Quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh P là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh P đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông P; bà H theo đó ông Nguyễn Minh P thống nhất giao phần tài sản cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB323097 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010 thuộc thửa 3246, tờ bản đồ 03 diện tích 250m² địa chỉ thửa đất tại ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất giao phần tài sản cho ông Nguyễn Minh P được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Công nhận cho ông Nguyễn Minh P diện tích nhà ở loại nhà cấp 4 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền cát, không trần; diện tích nhà 5m x 5,5m; được xây dựng trên phần đất có (ký hiệu số nền E39) diện tích đất ngang 5m; dài 14m diện tích 70m² loại đất ODT; vị trí đất tọa lạc tại Cụm dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2) biên bản giao nền ngày 25/01/2003 cho ông Nguyễn Minh P theo mảnh trích do địa chính số 31/2022 ngày 19/5/2022.

Ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ cơ Q nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H thống nhất trả cho Ngân hàng chính sách xã hội như sau:

Ông Nguyễn Minh P thống nhất trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (có đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả. Bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (có đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí, chi phí thẩm định, đo đạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Q hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông P bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa ông P bà H phát sinh mâu thuẫn nên bà

H nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa ông P bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống ông P, bà H phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng Q niệm sống, không hợp ý, ông P không Q tâm chăm sóc gia đình, hay nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực bà H nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó bà và ông P đã ly thân nhau từ nhiều năm nay. Ông, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không được, đến thời điểm ly hôn vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn gia đình đến nay thì cả ông bà đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho thấy mâu thuẫn giữa ông P, bà H là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, không công nhận ông P, bà H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh V (nam) sinh ngày 19/10/2003, cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007, hiện các cháu đang sinh sống với bà H. Cháu V đã lớn nên không yêu cầu giải quyết, cháu Q hiện tại sống chung với bà H và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Q cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu.

[5] Về tài sản chung: Xét thấy quá trình chung sống ông P bà H tạo lập được các tài sản chung là căn nhà chiều ngang 5m chiều dài 25m diện tích khoảng 125m² được xây dựng trên phần đất diện tích 250m² tại thửa 3246 phần đất tọa lạc tại Ấp P, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh H đứng tên ông Nguyễn Minh P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB3230097 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010 và căn nhà trên phần đất có chiều ngang 5m; chiều dài, 14m diện tích khoảng 70m, có ký hiệu nền E39 nằm trong khu dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, thị trấn Ngã Sáu huyện Châu Thành (theo biên bản bàn giao nền nhà trong cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giao đoạn 2) ngày 25/01/2013 tên Nguyễn Minh P.

Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau:

Ông Nguyễn Minh P thống nhất giao phần tài sản cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB323097 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010 thuộc thửa 3246, tờ

bản đồ 03 diện tích 250m² địa chỉ thửa đất tại ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất giao phần tài sản cho ông Nguyễn Minh P được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Công nhận diện tích nhà ở cấp 4 loại bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền cát, không trần; diện tích nhà 5m x 5,5m; được xây dựng trên phần đất có (ký hiệu số nền E39) diện tích đất ngang 5m; dài 14m vị trí đất tọa lạc tại Cụm dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2) biên bản giao nền ngày 25/01/2003 cho ông Nguyễn Minh P theo mảnh trích do địa chính số 31/2022 ngày 19/5/2022.

[6] Về nợ chung: Quá trình giải quyết ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H và Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Ông Nguyễn Minh P thống nhất trả cho Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả. Bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện Châu Thành số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về Q hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh P là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 20/8/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh P đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông P; bà H theo đó ông Nguyễn Minh P thống nhất giao phần tài sản cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB323097 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 20/8/2010 thuộc thửa 3246, tờ bản đồ 03 diện tích 250m² địa chỉ thửa đất tại ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất giao phần tài sản cho ông Nguyễn Minh P được quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt bao gồm:

Công nhận cho ông Nguyễn Minh P diện tích nhà ở loại nhà cấp 4 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền cát, không trần; diện tích nhà 5m x 5,5m; được xây dựng trên phần đất có (ký hiệu số nền E39) diện tích đất ngang 5m; dài 14m diện tích 70m² loại đất ODT; vị trí đất tọa lạc tại Cụm dân cư Vượt lũ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2) biên bản giao nền ngày 25/01/2003 cho ông Nguyễn Minh P theo mảnh trích do địa chính số 31/2022 ngày 19/5/2022.

Ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ cơ Q nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H thống nhất trả cho Ngân hàng chính sách xã hội như sau:

Ông Nguyễn Minh P thống nhất trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (có đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả. Bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (có đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày trả nợ đối với khoản vốn gốc phải trả.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010239 ngày 14 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (bà H đã nộp xong).

6. Án phí cấp dưỡng: Ông Nguyễn Minh P phải chịu là 150.000đồng.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh P phải chịu là 5.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị H phải chịu là 10.250.000 đồng.

8. Chi phí thẩm định, đo đạc, lược đồ: Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND h.Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Kính